CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

NỘI DUNG	**TRANG**
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B01a – CTQ)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B02a – CTQ)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B03a – CTQ)	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B05 - CTQ)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B09a – CTQ)	9

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động	Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 Số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	
Ban Điều hành	Ông Lâm Hải Tuấn Ông Nguyễn Hồng Sơn Bà Lê Thị Hồng Thái	Chủ tịch Công ty Phó Chủ tịch Công ty Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.	
Trụ sở chính	Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở cho việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 10 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI BAN ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2015 và được Ban Điều hành của Công ty phê duyệt ngày 10 tháng 8 năm 2015. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên, cùng các thuyết minh cho báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 4 đến 22. Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây của Công ty là không được soạn lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lại Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2432-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4889
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Như đã nêu trong Thuyết minh 3.1 của các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam,
Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (8)38230796, www.pwc.com/vn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Mẫu số B01a – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**22.968.866.437**	**22.782.228.443**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**		**1.878.146.285**	**2.070.521.548**
111	Tiền	5.1	1.878.146.285	2.070.521.548
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**20.000.000.000**	**20.000.000.000**
128	Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	5.2	20.000.000.000	20.000.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.087.203.251**	**707.319.395**
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.3	369.512.686	339.763.837
135	Các khoản phải thu khác	5.4	717.690.565	367.555.558
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**3.516.901**	**4.387.500**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		3.516.901	-
158	Tài sản ngắn hạn khác		-	4.387.500
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.598.726.516**	**1.821.326.667**
220	**Tài sản cố định**		**1.008.002.893**	**1.177.083.942**
221	Tài sản cố định hữu hình	5.5(a)	731.695.693	845.505.762
222	Nguyên giá		1.036.154.349	968.805.749
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(304.458.656)	(123.299.987)
227	Tài sản cố định vô hình	5.5(b)	276.307.200	310.845.600
228	Nguyên giá		345.384.000	345.384.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.076.800)	(34.538.400)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.5(c)	-	20.732.580
260	**Tài sản dài hạn khác**		**590.723.623**	**644.242.725**
261	Chi phí trả trước dài hạn	5.6	216.571.946	270.091.048
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.7	229.239.677	229.239.677
268	Tài sản dài hạn khác	5.8	144.912.000	144.912.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**24.567.592.953**	**24.603.555.110**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Mẫu số B01a – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**437.371.232**	**520.513.816**
310	**Nợ ngắn hạn**		**437.371.232**	**520.513.816**
312	Phải trả người bán		17.269.200	22.618.444
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.895.950	24.968.727
315	Phải trả người lao động		75.743.000	53.481.000
316	Chi phí phải trả	5.9	333.226.082	418.878.500
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		4.237.000	567.145
400	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**24.130.221.721**	**24.083.041.294**
410	**Nguồn vốn chủ sở hữu**		**24.130.221.721**	**24.083.041.294**
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
420	Lỗ lũy kế		(869.778.279)	(916.958.706)
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**24.567.592.953**	**24.603.555.110**

Nguyễn Thị Lệ Hiền	Nguyễn Hồng Sơn	Lâm Hải Tuấn
Người lập	Phó Chủ tịch Công ty	Chủ tịch Công ty
		Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Mẫu số B02a – CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số		Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VND	30.6.2014 VND
01	**Doanh thu**	5.10	**2.187.334.942**	**-**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**		**2.187.334.942**	**-**
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.11	(551.839.504)	-
20	**Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**1.635.495.438**	**-**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.12	659.809.342	396.249.678
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.13	(2.248.124.353)	(1.121.550.669)
30	**Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**47.180.427**	**(725.300.991)**
31	Thu nhập khác		-	-
32	Chi phí khác		-	-
40	**Lợi nhuận khác**		**-**	**-**
50	**Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**47.180.427**	**(725.300.991)**
51	**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	5.14	**-**	**-**
52	**Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	5.14	**-**	**-**
60	**Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**47.180.427**	**(725.300.991)**

Nguyễn Thị Lệ Hiền Người lập	Nguyễn Hồng Sơn Phó Chủ tịch Công ty	Lâm Hải Tuấn Chủ tịch Công ty Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Mẫu số B03a – CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VND	30.6.2014 VND
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
01	**Lãi/(lỗ) trước thuế**		**47.180.427**	**(725.300.991)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		215.697.069	1.685.554
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(659.809.342)	-
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**(396.931.846)**	**(723.615.437)**
09	Tăng các khoản phải thu		(26.274.132)	(144.912.000)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(83.142.584)	83.223.310
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		50.002.201	(45.927.145)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(456.346.361)**	**(831.231.272)**
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(46.616.020)	(530.611.771)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		310.587.118	-
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**263.971.098**	**(530.611.771)**
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**-**	**-**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(192.375.263)**	**(1.361.843.043)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**2.070.521.548**	**25.000.000.000**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	5.1	**1.878.146.285**	**23.638.156.957**

Nguyễn Thị Lệ Hiền	Nguyễn Hồng Sơn	Lâm Hải Tuấn
Người lập	Phó Chủ tịch Công ty	Chủ tịch Công ty
		Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Mẫu số B05a – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2014 VND	Tăng vốn chủ sở hữu VND	Lãi trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 30.6.2015 VND
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
10	Lỗ lũy kế	(916.958.706)	-	47.180.427	(869.778.279)
		24.083.041.294	**-**	**47.180.427**	**24.130.221.721**

Nguyễn Thị Lệ Hiền	Nguyễn Hồng Sơn	Lâm Hải Tuấn
Người lập	Phó Chủ tịch Công ty	Chủ tịch Công ty
		Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 và Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh lần thứ nhất số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 9 nhân viên (31 tháng 12 năm 2014: 11 nhân viên).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập dựa theo nguyên tắc giá gốc.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.1 Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định (tiếp theo)

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của giấy phép thành lập và hoạt động nếu ngắn hạn. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Phí quản lý và phí thưởng hoạt động được ghi nhận khi được hưởng theo Điều lệ Quỹ.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Liên Kết Chung ACE Life, Quỹ Chủ Sở Hữu, Quỹ Chủ hợp đồng có tham gia chia lãi và Quỹ Chủ hợp đồng không tham gia chia lãi ("Quỹ"). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.9 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của Bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt như giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 TIỀN

	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	-	3.000.000
Tiền gửi ngân hàng	1.878.146.285	2.067.521.548
	1.878.146.285	2.070.521.548

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn trong vòng 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5.3 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 7(b))	369.512.686	339.763.837

5.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	716.777.782	367.555.558
Phải thu khác	912.783	-
	717.690.565	367.555.558

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	467.902.325	500.903.424	**968.805.749**
Mua trong kỳ	-	46.616.020	**46.616.020**
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 5.5(c))	-	20.732.580	**20.732.580**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	467.902.325	568.252.024	**1.036.154.349**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	(49.080.642)	(74.219.345)	**(123.299.987)**
Khấu hao trong kỳ	(77.983.720)	(103.174.949)	**(181.158.669)**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	(127.064.362)	(177.394.294)	**(304.458.656)**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	418.821.683	426.684.079	**845.505.762**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	340.837.963	390.857.730	**731.695.693**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2015	345.384.000
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	(34.538.400)
Khấu hao trong kỳ	(34.538.400)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	(69.076.800)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	310.845.600
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	276.307.200

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	20.732.580
Tăng	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 5.5(a))	(20.732.580)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	-

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	216.571.946	270.091.048

	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	270.091.048
Giảm	(53.519.102)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	216.571.946

5.7 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	229.239.677	229.239.677

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2015	229.239.677

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (tiếp theo)

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VND
Giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.	Chưa quyết toán	1.099.017.956

Công ty ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là khả thi.

5.8 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác bao gồm khoản ký quỹ thuê văn phòng.

5.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 30.6.2015 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Trích trước chi phí tiền lương	176.172.500	268.878.500
Các khoản trích trước khác	157.053.582	150.000.000
	333.226.082	418.878.500

5.10 DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015 VND	30.6.2014 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 7(a))	2.187.334.942	-

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.11 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015	30.6.2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	285.862.818	-
Chi phí thuê văn phòng	232.015.269	-
Các chi phí khác	33.961.417	-
	551.839.504	

5.12 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ là lãi tiền gửi nhận được.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015	30.6.2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	659.809.342	396.249.678

5.13 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015	30.6.2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.489.433.367	1.008.391.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.158.669	1.685.554
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	309.353.691	88.114.400
Chi phí khác	268.178.626	23.358.896
	2.248.124.353	1.121.550.669

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.14 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015 VND	30.6.2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	47.180.427	(1.146.198.383)
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20%	9.436.085	(229.239.677)
Điều chỉnh:		
Chuyển lỗ tính thuế từ năm trước	(9.436.085)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(229.239.677)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	-	(229.239.677)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(229.239.677)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng; và
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm các khoản ngắn hạn với số tiền là 437.371.232 đồng Việt Nam (31.12.2014: 520.513.816 đồng Việt Nam) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE, một công ty được thành lập tại Việt Nam, sở hữu 100% vốn của Công ty.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015	**30.6.2014**
	VND	**VND**
i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.12)		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	2.187.334.942	-
ii) Giao dịch khác		
Thu hộ cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	2.155.488	-
iii) Các khoản chi cho Ban Điều hành		
Lương và các quyền lợi khác	627.285.750	621.075.000

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối giai đoạn với các bên liên quan

	30.6.2015 VND	31.12.2014 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 5.3)		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	369.512.686	339.763.837
Các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	125.000	567.145

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2015 VND	31.12.2014 VND
Dưới 1 năm	907.688.400	829.522.364
Từ 1 đến 5 năm	593.612.800	944.384.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	1.501.301.200	1.773.906.364

9 SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh trong các báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Điều hành của Công ty duyệt ngày 10 tháng 8 năm 2015.

Nguyễn Thị Lệ Hiền	Nguyễn Hồng Sơn	Lâm Hải Tuấn
Người lập	Phó Chủ tịch Công ty	Chủ tịch Công ty